

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĐ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĐ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thanh Tuyền và bà Hồ Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhân Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 471/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 495/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 04/9/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vương Thị Hồng V, sinh năm: 1983; Nơi thường trú: Xã HH, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn P, sinh năm: 1981; Nơi thường trú: Xã HH, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Chị Trần Thị Phồn V1, sinh năm: 2006; Nơi thường trú: Xã HH, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 7 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vương Thị Hồng V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn P tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 06/10/2003. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về sinh sống tại Xã HH, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến nay.

Cuộc sống của vợ chồng mới đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu

thuần thì không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng có cách nhìn nhận quan điểm sống khác nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Năm 2007, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn anh P đã đánh và gây thương tích cho chị dẫn đến chị phải nhập viện điều trị tại bệnh viện một thời gian. Anh P thường ghen tuông vô cớ, gia trưởng và tự quyết mọi việc, không có sự thống nhất, bàn bạc giữa vợ chồng với nhau. Trong thời gian vợ chồng sống chung, hai bên đã không quan tâm đến nhau, mặc dù sống chung trong ngôi nhà nhưng anh P chưa bao giờ tin tưởng chị, chị nấu cơm ăn thì anh không ăn, đi ăn nơi khác. Việc anh P đi làm ăn xa anh cũng không nói đi đâu, mỗi khi đi làm về thì không về nhà mà ở nơi khác. Thực tế vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay, thời gian sống ly thân vợ chồng có liên lạc với nhau nhưng không có giải pháp hàn gắn cuộc sống hôn nhân. Do vợ chồng ly thân đã lâu, tháng 4/2024 chị đã làm thủ tục ly hôn, vì cháu Trần Thị Phồn V1 đang tập trung cho việc thi cử nên chị đã rút đơn khởi kiện, Tòa án đã đình chỉ vụ án. Xác nhận tình cảm của chị dành cho anh P không còn, chị tiếp tục khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn P, chị có điện thoại cho anh đề yêu cầu anh về Tòa án nhân dân huyện ND giải quyết ly hôn nhưng anh P không chịu hợp tác, cố tình dấu địa chỉ. Liên quan đến các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án giao cho cháu Trần Thị Phồn V1, cháu đã gọi điện và gửi cho anh P qua zalo, anh P đã nhận và trả lời tin nhắn, tức là anh P đã nhận được giấy triệu tập và thông báo hợp lệ để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, vợ chồng sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn P.

Về con chung: Chị với anh Trần Văn P có 02 người con chung: Trần Minh P1, sinh ngày: 24/3/2004 và Trần Thị Phồn V1, sinh ngày: 08/7/2006. Hiện nay những người con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên chị không yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Trần Văn P:* Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Hương Hữu và Ủy ban nhân dân xã Thượng Lộ xác nhận: Anh Trần Văn P và chị Vương Thị Hồng V tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại Xã HH, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến nay. Hai vợ chồng sống chung đến năm 2022 thì ly thân, nay anh P đi làm tại Công ty ở tỉnh Bình P nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Do bị đơn anh Trần Văn P vắng mặt tại địa phương, để có cơ sở tiếp tục giải quyết vụ án theo đúng quy định Tòa án đã tiến hành giao các giấy triệu tập, thông báo cho người thân thích của anh là chị Trần Thị Phồn V1 (là con ruột của anh Trần Văn P); chị V1 cũng đã cam kết giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho ba chị là Trần Văn P. Qua các tài liệu, chứng cứ chị Trần Thị Phồn V1 cung cấp cho Tòa án thì xác nhận bị đơn anh Trần Văn P đã nhận được thông báo hợp lệ để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng anh P cố tình vắng mặt tất cả các buổi làm việc của Tòa án mà không có lý do nên không có ý kiến của anh P đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vương Thị Hồng V.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Hồng V và anh Trần Văn P tự nguyện kết hôn vào ngày 06 tháng 10 năm 2003, đăng ký kết hôn tại: Ủy ban nhân dân xã TL, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân của chị V và anh P là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sinh sống tại Xã HH, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến khi xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, qua nắm bắt thông tin tại địa phương cung cấp là do anh P ghen tuông, thường xuyên đập phá đồ đạc và có những lời lẽ xúc phạm chị V. Do không thể sống với nhau nên vợ chồng chị V, anh P đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Từ những nguyên nhân này thì thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng họ đã trầm trọng không có khả năng để cải thiện, mục đích hôn nhân giữa chị V và anh P không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Mặc dù anh P hiện không có mặt tại địa phương nhưng mọi thủ tục giải quyết ly hôn giữa chị V và anh P qua xác nhận từ chị Trần Thị Phồn V1 (là con ruột của anh P và chị V) đều thông báo cho anh biết, tức là anh đã nhận biết được quyền và nghĩa vụ của mình tại Tòa án nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn với anh Trần Văn P.

Về con chung: Chị Vương Thị Hồng V và anh Trần Văn P có 02 người con chung: Trần Minh P1, sinh ngày: 24/3/2004 và Trần Thị Phồn V1, sinh ngày: 08/7/2006. Hiện nay những người con chung này đã trên đủ 18 tuổi, tự lo cho cuộc sống, do chị V không yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng nên Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Do chị V không yêu cầu nên Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến gì.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Vương Thị Hồng V là người đồng bào dân tộc thiểu số hiện đang sinh sống tại xã Hương Hữu nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và nguyên đơn cũng đã có đơn xin được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

** Người làm chứng chị Trần Thị Phồn V1 trình bày:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo, giấy triệu tập cho chị và yêu cầu chị cam đoan sẽ giao lại cho anh Trần Văn P (là ba ruột của chị). Đối với các văn bản này chị đã gửi qua tài khoản “Anh Yêu SOS” của ba chị; các file ảnh, tin nhắn chị đã giao nộp cho Tòa án; ngoài ra chị cũng đã điện thoại cho ba chị qua số điện thoại 0989.236.602 để thông báo ngày, giờ đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên ba chị đã trả lời “không quan tâm đến việc mẹ ly hôn” và ba cũng không đồng ý ly hôn với mẹ.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy

định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được Hội đồng xét xử tiến hành đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được tổng đạt thông báo, giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 229, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vương Thị Hồng V, chị V được ly hôn với anh Trần Văn P; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do chị V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: Nguyên đơn chị Vương Thị Hồng V được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Vương Thị Hồng V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Trần Văn P nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn”; đồng thời anh P có nơi thường trú tại: Xã HH, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn anh Trần Văn P đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn chị Vương Thị Hồng V và người làm chứng chị Trần Thị Phồn V1 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và họ đã có lời khai trực tiếp với Tòa án, việc vắng mặt của nguyên đơn, người làm chứng tại phiên tòa không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Hồng V và anh Trần Văn P tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 06/10/2003. Hôn nhân của chị V và anh P là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận. Qua xác minh tại chính quyền địa phương và người thân của vợ chồng thì Hội đồng xét xử nhận thấy, vợ chồng chị V và anh P đã sống ly

thân từ năm 2022 đến nay. Thông qua các bản ảnh tin nhắn giữa chị Trần Thị Phồn V1 (là con ruột của anh P) và anh P do chị V1 cung cấp, anh P đã nhận và biết được các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng không đến Tòa án làm việc. Điều này chứng tỏ anh P không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị Hồng V, chị V được ly hôn anh Trần Văn P.

[3.2] Về con chung: Chị Vương Thị Hồng V và anh Trần Văn P có 02 người con chung là Trần Minh P1, sinh ngày 24/3/2004 và Trần Thị Phồn V1, sinh ngày 08/7/2006. Hiện nay những người con chung này đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị V không yêu cầu về việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Vương Thị Hồng V là người đồng bào dân tộc thiểu số hiện đang sinh sống tại xã Hương Hữu nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và nguyên đơn cũng đã có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế; quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn của Trợ giúp viên pháp lý có căn cứ pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vương Thị Hồng V.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Hồng V được ly hôn với anh Trần Văn P.

- Về con chung: Chị Vương Thị Hồng V và anh Trần Văn P có 02 người con chung là Trần Minh P1, sinh ngày 24/3/2004 và Trần Thị Phồn V1, sinh ngày 08/7/2006. Hiện nay những người con chung này đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị V không yêu cầu về việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Vương Thị Hồng V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Vương Thị Hồng V có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Trần Văn P vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện NĐ;
- Chi cục THADS huyện NĐ;
- UBND xã TL, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Mạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Nga

Hồ Thị Thanh Tuyền

Nguyễn Văn Mạnh